

**ĐÀI LOAN – HỒNG KÔNG – MACAO**

# Hệ thống đại học tư Đài Loan

**NCS. TRẦN TRỌNG TÀI (THÍCH GIẢI HIỀN)**

*Đại học Công lập quốc tế Ký Nam, Đài Loan*

## I. LỜI MỞ ĐẦU

Lịch sử xây dựng hệ thống giáo dục theo phương Tây tại Trung Quốc cho đến nay đã được 100 năm. Những thập niên cuối của thế kỷ trước, nền giáo dục đại học vẫn dựa vào xã hội là chủ yếu. Như Giáo hội Tin lành Mỹ thành lập trường đại học Đông Ngô và hơn 10 trường đại học khác nữa, Giáo hội Thiên chúa giáo lập trường đại học Chấn Đán, tư nhân Trung Công lập đại học Trung Hoa, đại học Trung Quốc, đại học Triều Dương, đại học Nam Khai và đại học Hạ Môn. Riêng chính quyền Trung ương chỉ lập trường đại học công lập Bắc Kinh, chính quyền tỉnh lập trường đại học Bắc Dương và đại học Sơn Đông. Sau năm 1920 chính quyền bắt đầu thành lập trường đại học Giao thông, đại học công nghiệp Cáp Nhĩ Tân, đại học Đông Nam, từ đó đại học công mới bắt đầu được mở rộng. Đến sau năm 1929 chính quyền ban hành pháp lệnh “Qui trình trường

tư thực”, các đại học dân lập tư thực bị hạn chế lại rất nhiều.

Trong thời kỳ Đài Loan là thuộc địa của Nhật chỉ có một trường đại học duy nhất là “đại học Đế quốc Đài Bắc” (nay là đại học công lập<sup>(1)</sup> Đài Loan). Sau năm 1949 khi chính quyền Quốc dân Đảng dời ra Đài Loan đã thành lập bốn trường Công lập là đại học công lập Đài Loan, Học viện tỉnh lập<sup>(2)</sup> Sư phạm Đài Loan, Học viện tỉnh lập Công nghiệp Đài Nam, Học viện tỉnh lập Nông nghiệp Đài Trung.

Năm 1954 Đài Loan mới cho phép trường đại học tư thực đầu tiên được thành lập là Học viện pháp lý đại học Đông Ngô. Sau đó học viện y khoa Cao Hùng, Học viện Công nghệ kỹ thuật Trung Nguyên, đại học Đông Hải, Học viện nhân văn quản lý Đạm Giang. Cho đến nay trong hệ thống 121 trường đại học, học viện độc lập có 73 trường tư thực và hơn 65% sinh viên theo học tại các trường đại học tư. Điều này phần

nào khẳng định vị trí quan trọng của đại học tư thục tại Đà Loan.

## II. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA HỆ THỐNG TRƯỜNG TƯ TẠI ĐÀ LOAN

Hệ thống trường tư được thành lập khắp các cấp học trong hệ thống giáo dục Đà Loan. Theo thống kê năm 2004, số trường trong tất cả các cấp học tại Đà Loan là 3998, trong đó trường tư thục là 352 chiếm 8,8%. Trường tiểu học 1,1%, trường cấp 2 là 1,5%, trường cấp 3 là 44,6%, trường nghề là 42,2%, học viện là 75,5% và đại học là 54,7%. Về số lượng

học sinh thì trường cấp 3 là 35,5%, trường nghề là 59,9%, trường cao đẳng chuyên khoa, học viện là 90,2% và đại học là 73,3%. Từ các số liệu này cho thấy ở các cấp học cao hệ thống trường tư thục phát triển mạnh hơn cấp dưới.

Ngoài các trường quân đội và cảnh sát ra, các trường tư đều do tư nhân đứng đơn thành lập. Theo qui định của điều 35 bộ luật trường tư đề án thành lập trường phải tuân thủ mọi qui định của qui định quản lý pháp luật về “tài đoàn pháp nhân”.

### BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN TẠI ĐÀ LOAN

Loại hình	Đại học			Học viện			Sơ bộ	Chuyên khoa			Tổng kết
	Niên khóa	Công lập	Tư thục	Tổng số	Công lập	Tư thục		Tổng số	Công lập	Tư thục	
1994	15	8	23	17	18	35	58	13	59	72	130
1995	16	8	24	18	18	36	60	16	58	74	134
1996	16	8	24	21	22	43	67	14	56	70	137
1997	20	18	38	21	19	40	78	10	51	61	139
1998	21	18	39	22	23	45	84	6	47	53	137
1999	21	23	44	25	36	61	105	4	32	36	141
2000	25	28	53	24	50	74	127	4	19	23	150
2001	27	30	57	23	55	78	135	3	16	19	154
2002	27	34	61	23	55	78	139	3	15	18	157
2003	32	38	70	19	54	73	143	3	12	15	158
2004	34	40	74	17	53	70	144	3	11	14	158

*Chú ý:* Số trường mới là 16 trong đó từ 1996 đến 2001 số trường mới là 14 trường

*Nguồn tư liệu:* Hội thảo năm 2003 về Quản lý kinh doanh trường đại học, học viện, cao đẳng chuyên khoa

Về mặt tổ chức, trường tư khác trường công là hội đồng quản trị. Năm 1924 bộ giáo dục ban bố “Điều khoản đại học công lập” qui định rõ các trường đại học công lập thành lập hai hội đồng là “hội đồng quản trị” và “hội đồng bình nghị”. Hội đồng quản trị do hiệu trưởng, người của bộ giáo dục phái và mời một số thành viên khác tham gia làm thành viên. Hội đồng quản trị thẩm định dự toán tài chính, kế hoạch phát triển, quyết sách và những vấn đề quan trọng của nhà trường. “Hội đồng bình nghị” do hiệu trưởng, giáo sư giới thiệu thành viên tham gia quyết định về tổ chức, công tác giảng dạy và một số vấn đề khác của nhà trường. Đến năm 1929 “Pháp lệnh tổ chức đại học” đã thay đổi qui định trường đại học công lập thành lập “Hội đồng giáo vụ” thay thế “Hội đồng quản trị” và “Hội đồng bình nghị”.

Năm 1974 chính quyền Đà Loan công bố “Luật trường tư” qui định đại học tư thực phải thành lập hội đồng quản trị, từ đây sự tổ chức và vận hành của đại học công và đại học tư thực dần khác biệt. Đến năm 1994 bộ Luật đại học mới được ban hành đã thể hiện sự khác biệt rõ hơn trong vấn đề bầu chọn hiệu trưởng đại học. Tại trường công do hội đồng giáo vụ đảm nhận việc thỉnh mời thành lập hội đồng tuyển cử, còn đại học tư do Hội đồng quản trị đảm trách.

### III. NGUỒN THU NHẬP CỦA ĐẠI HỌC TƯ ĐÀ LOAN

Tài chính của đại học tư tại Đà Loan chủ yếu đến từ các nguồn sau:

#### 1. Học phí

Điều 45 luật trường tư qui định “Các trường Cao đẳng chuyên khoa trở lên việc thu các khoản phí của học sinh, sử dụng và mức thu bao nhiêu đều do bộ giáo dục qui định” với nguyên tắc “phí thu từ sinh viên sử dụng cho sinh viên”. Khoản phí thu từ sinh viên bao gồm: Tạp phí, tiền ở ký túc xá, tiền sử dụng phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, tiền tín chỉ...

Nguồn thu chính của đại học tư vẫn là học phí. Học phí thu vào sẽ ảnh hưởng đến sự vận hành và phát triển của nhà trường nhưng trường tư muốn tăng học phí để tăng nguồn thu nhập thường được bộ giáo dục khuyến cáo là không nên vì phải chú ý đến các nhân tố sau: Đặc trưng và công năng của trường, chất lượng giáo dục, phù hợp với giá thành đào tạo, tình hình tài chính của chính quyền, gánh nặng kinh tế của phụ huynh học sinh và nguyên tắc công bằng trong cơ hội học tập của người công dân trong xã hội. So sánh với các nước phát triển và khu vực, học phí tại Đà Loan thuộc hàng các nước và lãnh thổ thu học phí thấp trên thế giới. Trong tình hình kinh tế mấy năm gần đây các trường tư đều có xu hướng giảm thấp học phí hơn nữa mà không phải là tăng cao để phù hợp với năng lực chi trả của phụ huynh học sinh.

#### 2. Đóng góp quyền tặng

Nguồn tài chính quyền góp của trường đại học tư hiện nay không cao.

Chủ yếu là đóng góp của học sinh cũ dành cho nhà trường. Chính sách miễn thuế của nhà nước được thể hiện ở chỗ, nếu đóng góp cho cơ quan nhà nước, trường quân đội, cảnh sát và trường công được miễn 100% thuế thu nhập cá

nhân, còn đóng góp cho trường tư chỉ được miễn 25%. Gần đây bộ giáo dục thành lập quỹ xây dựng trường tư nếu thông qua quỹ này để đóng góp cho đại học tư thì sẽ được miễn 50% thuế thu nhập cá nhân.

#### **BIỂU ĐỒ MIỄN THUẾ**

20% thuế thu nhập	Đoàn thể giáo dục, văn hóa, công ích, từ thiện	Trường tư thực cũng thuộc hạng mục này
Tính theo thực chất đóng góp	Quyên tặng cho chính quyền, quốc phòng, lao động quân đội	Trường quân đội, cảnh sát, trường công cũng thuộc hạng mục này
50% thuế thu nhập	Quyên góp cho trường tư	Phải thông qua quỹ xây dựng trường tư, trực tiếp đóng góp chỉ được miễn 25%

*Nguồn tư liệu:* Điều 17 Luật miễn thuế thu nhập

Nếu chính sách miễn thuế được điều chỉnh cho công bằng giữa đóng cho trường công và trường tư thì sẽ thúc đẩy việc đóng góp cho trường tư tăng trưởng nhanh hơn.

### **3. Hợp tác nghiên cứu**

Các nguồn thu nhập từ việc mở khóa huấn luyện, nghiên cứu, thiết kế mà nhà trường hợp tác với cơ quan xí nghiệp và xã hội đều thuộc nguồn thu này. Đây là nguồn thu nhập chủ yếu thứ 3 của trường tư sau kinh phí và nguồn tài trợ của chính quyền. Nhà trường cần khuyến khích giáo viên tham gia vào việc nghiên cứu hợp tác để phát triển lãnh vực kết hợp giữa nhà trường và cơ quan xí nghiệp trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu và phát triển.

### **4. Mở các chương trình học và khóa đào tạo**

Trường đại học tư mở các khóa đào tạo, các lớp học và chương trình đào tạo thu học phí để tăng thêm nguồn thu nhập.

Các trường đại học tư mở rộng chương trình đào tạo không chính qui lấy chứng chỉ để nâng cao nguồn thu nhập về tài chính, trong lĩnh vực này trường tư trở thành đối tượng cạnh tranh của trường công.

Theo tôn chỉ “học tập suốt đời” của Bộ giáo dục, các trường đại học tích cực đầu tư vào việc mở rộng giáo dục, thực hiện vai trò phục vụ của trường đại học. Các trường đại học không ở trung tâm thành phố thì cần lập văn phòng tại thành phố, hoặc kết hợp với các đoàn thể xã hội để

cùng chung sử dụng cơ sở vật chất mở rộng chương trình đào tạo, phát triển giáo dục trong cộng đồng xã hội để thúc đẩy mục tiêu học tập suốt đời trong xã hội, tạo cơ hội học tập nâng cao kiến thức.

### **5. Nguồn tài chính đầu tư**

Gồm nguồn tiền lãi trong ngân hàng, tiền đầu tư vào các lĩnh vực khác thu lợi. Nguồn tài chính của các trường đại học tư, ngoài sử dụng trong giảng dạy và vận hành quản lý, nếu được sự đồng ý của hội đồng quản trị có thể dùng một phần để đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế khác tạo nguồn thu nhập tài chính. Nhưng hội đồng quản trị thường rất bảo thủ trong việc đầu tư vì những yếu tố bất trắc khó lường trước trong hoạt động đầu tư, đa phần thường là gửi ngân hàng thu lợi tức. Mấy năm gần đây lợi tức tiền gửi ngân hàng Đà Loan gần như 0% càng làm cho nguồn tài chính thu về ngày một khó khăn hơn.

### **6. Nguồn tài trợ từ chính quyền**

Số lượng sinh viên theo học các trường đại học tư ở Đà Loan nhiều hơn đại học công nên hệ thống đại học tư đã góp phần rất quan trọng trong quá trình phổ cập đại học tại Đà Loan. Luật trường tư qui định chính quyền phải dành nguồn tài chính tài trợ, và tiền thưởng dành cho các trường đại học tư có thành tích tốt trong đào tạo, nghiên cứu. Nguồn tài trợ dành cho các trường đại học tư vì thế bao gồm tiền tài trợ và tiền

thưởng. Bộ giáo dục thông qua các lần đánh giá chất lượng để phân bổ nguồn tài trợ và tiền thưởng. Các đánh giá bao gồm chuyên môn và phát triển giảng dạy, tất cả là 13 tiêu chí gồm đội ngũ giảng viên, giảng dạy, nghiên cứu, nguồn tài nguyên, đặc trưng giáo dục, quốc tế hóa...

## **IV. CÁC MỐI QUAN HỆ TƯƠNG TÁC CỦA ĐẠI HỌC TƯ**

Trong quá trình vận hành giáo dục đào tạo, nghiên cứu phát triển hệ thống đại học tư chịu nhiều tác động trong các mối quan hệ tổng hòa. Các mối quan hệ này là nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của các trường.

### **1. Quan hệ với chính quyền**

Bộ luật đại học qui định mối quan hệ giữa chính quyền và trường tư lấy pháp luật làm cơ sở. Quyền của chính quyền đối với trường tư là cấp phép thành lập.

Trong mối quan hệ này các trường tư phải chịu sự quản lý bởi qui định của hai bộ luật là Luật đại học và Luật thuế đối với đoàn thể xã hội “Tài đoàn pháp nhân”.

Về chính sách, chính quyền đã điều chỉnh đặt ra nhiều ưu đãi để cá nhân, đoàn thể xã hội, tôn giáo và xí nghiệp tham gia vào quá trình xã hội hóa giáo dục. Trước năm 1940 chỉ có 13 trường, đến năm 2004 đã tăng lên con số 163 trường, trong vòng 23 năm đã tăng lên con số 150 trường.

**BIỂU ĐỒ THỜI GIAN TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC THÀNH LẬP**

Năm thành lập	1940	1945	1946	1947	1950	1951	1953	1954	1955
Số thành lập	13	2	4	1	1	1	3	4	4
Số tích lũy	13	15	19	20	21	22	25	29	33

Năm thành lập	1956	1957	1958	1960	1961	1963	1964	1965	1967
Số thành lập	2	1	5	2	4	3	5	12	9
Số tích lũy	35	36	41	43	47	50	55	67	87

Năm thành lập	1968	1969	1970	1971	1972	1974	1975	1977	1979
Số thành lập	5	7	3	4	2	1	1	1	3
Số tích lũy	92	99	102	106	108	109	110	111	114

Năm thành lập	1985	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1994
Số thành lập	1	3	2	3	4	4	2	1	4
Số tích lũy	115	118	120	123	127	131	133	134	138

Năm thành lập	1995	1996	1997	1999	2000	2001	2004
Số thành lập	4	2	3	5	8	2	1
Số tích lũy	142	144	147	152	160	162	163

*Nguồn tư liệu:* Tổng hợp từ <http://www.edu.tw>

Chính quyền khuyến khích tư nhân lập trường là vừa liên kết vừa hợp tác để mở rộng và phổ cập giáo dục đại học nhằm bù đắp nhu cầu nguồn nhân lực xã hội mà đại học công không thể đáp ứng hết.

**BIỂU ĐỒ PHÂN BỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI ĐÀI LOAN**

Vùng Trường	Đài Bắc	Đào Viên Tân Trúc Miêu Lật	Đài Trung Chương Hóa Nam Đầu	Vân Lâm Gia Nghĩa Đài Nam	Cao Hùng Bình Đông	Nghi Lan Hoa Liên Đài Đông	Kim Môn Mã Tổ Bành Hồ
Tổng hợp	18	13	9	9	11	4	0
Y khoa	6	3	4	4	5	1	0
Công thương	17	6	8	10	10	4	2
Nghệ thuật	3	0	0	1	0	0	0
Thể dục	1	1	1	0	0	0	0
Sư phạm	3	1	2	1	2	1	0
Quốc phòng trị an	1	2	0	0	1	0	0
	49	25	24	25	29	10	2

*Nguồn tư liệu:* Tổng hợp từ <http://www.edu.tw>

## 2. Quan hệ với công ty xí nghiệp

Các công ty xí nghiệp thành lập trường đại học để đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển công ty, hoặc với hình thức đóng góp tài chính để trở thành thành viên hội đồng quản trị. Nhưng để khống chế sự can thiệp quá sâu của công ty xí nghiệp thông qua hội đồng quản trị, Bộ giáo dục đã qui định rõ tư cách và những hạn chế về thành viên hội đồng quản trị trong Bộ luật trường tư.

Các công ty xí nghiệp sẽ đưa phương cách quản lý tiên tiến vào nhà trường tạo nên sự đổi mới trong quản lý hành chính.

Nhà trường bằng hình thức BOT để kết hợp công ty xí nghiệp xây dựng quản lý kinh doanh ký túc xá, giúp nhà trường giải quyết những khó khăn theo chính sách hai bên cùng có lợi.

Sự kết hợp giữa nhà trường và xí nghiệp sẽ giải quyết được khó khăn về tài chính, đưa được những đề án nghiên cứu trong nhà trường trước đây chỉ thuần lý luận đi vào thực tiễn theo nhu cầu xã hội, lại giải quyết được học và hành cho sinh viên, chuyển giao thành quả nghiên cứu để cho công ty xí nghiệp đưa vào sản xuất tăng thu nhập tài chính cho nhà trường.

**BẢNG TỔNG KẾT CÁ NHÂN ĐOÀN THỂ LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ ĐÀ LOAN**

Đoàn thể tôn giáo				Công ty xí nghiệp	
Tin lành	Thiên chúa giáo	Phật giáo		Tập đoàn lớn	Xí nghiệp vừa và nhỏ
Đoàn thể tôn giáo			Cá nhân hay gia tộc	Công ty xí nghiệp	
Đại học Trung Nguyên, đại học Đông Hải, đại học Đông Ngô, đại học Trường Vinh, đại học Chân Lý	Đại học Phụ Nhân, đại học Tịnh Nghi	Đại học Hoa Phạm, đại học Từ Tế, đại học Huyền Trang, đại học Nam Hoa, đại học Phật Quang	Đại học Danh Truyền, đại học Thế Tân, đại học Thực Tiễn, đại học Y khoa Đài Bắc, đại học Đạm Giang, đại học Văn Hóa, đại học Y dược Trung Quốc, đại học Y dược Trung Sơn, đại học Y Cao Hùng, đại học Phùng Giáp, học viện quản lý Hưng Quốc, học viện quản lý và sức khỏe Đài Trung, học viện quản lý kỹ thuật Đảo Giang, học viện quản lý Chí Viễn	Đại học Trường Canh, đại học Nguyễn Trí, đại học TaTung, đại học Đại Diệp, đại học Nghĩa Thủ	Đại học Trung Hoa, đại học Nam Khai, học viện quản lý Minh Đạo, học viện quản lý Lập Đức, học viện quản lý sức khỏe Kinh Quốc

*Nguồn tư liệu:* Tự tổng hợp

## 3. Quan hệ với các trường tư

Mối quan hệ giữa các trường tư là mối quan hệ hợp tác và cạnh tranh. Trong xu thế mới các trường cần hợp tác để phát triển trong tất cả các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu, công nhận tín chỉ, liên minh thư viện, sử dụng cơ sở vật chất thiết bị,

phòng thí nghiệm, nguồn thông tin tư liệu, mở rộng liên minh trong quan hệ quốc tế cùng phát triển.

## V. KẾT LUẬN

Bài viết chỉ có thể giới thiệu một cái nhìn tổng quát về hệ thống đại học tư Đà

Loan. Quá trình xã hội hóa giáo dục tại Đài Loan để phát triển nguồn nhân lực, nâng cao giáo dục xã hội với kinh nghiệm phát triển của nó phần nào sẽ là bài học tích cực cho Việt Nam trong giai đoạn phát triển giáo dục của đất nước hiện nay. Những kinh nghiệm quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục đại học tại Đài Loan cũng sẽ là kinh nghiệm quý báu cho công cuộc chỉnh đốn nâng cao chất lượng giáo dục tại Việt Nam.

Thay đổi điều chỉnh những chính sách và kiện toàn hệ thống pháp luật làm cơ sở để chấn chỉnh và phát triển hệ thống giáo dục của đất nước bằng cách ban bố các bộ luật đại học, luật trường tư... là rất cần thiết đối với sự nghiệp giáo dục tại Việt Nam.

Những sai sót và thực tế khó khăn của hệ thống giáo dục đại học của Đài Loan nói chung và trường tư nói riêng là bài học bổ ích giúp cho giáo dục Việt Nam không bước vào vết xe đổ để khỏi phải trả giá trong tương lai.

Quan hệ hợp tác toàn diện giữa các nước sẽ là mối quan hệ tương tác các bên cùng có lợi trong mọi lĩnh vực nhất là kinh tế, văn hóa và giáo dục.

#### CHÚ THÍCH:

- (1) Quốc lập do chính phủ trung ương cấp phép thành lập
- (2) Tỉnh lập do chính quyền tỉnh cấp phép thành lập

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học pháp sửa đổi dự thảo (2005) 。 取自 <http://www.nta.org.tw/hotlawfile/174-main01.pdf>
2. Đại học pháp sửa đổi dự thảo (2005) 。 取自 <http://www.nta.org.tw/hotlawfile/174.main01.pdf>

3. 內政部(2006)。內政統計年報—育齡婦女生育率。台北：內政部。

4. 王憲筠(2003)。國內外經營環境改變下我國私立大學院校競爭策略之探。元智大學管理研究所碩士論文，桃園。

5. 台灣評鑑協會(2005)。94學年度大學評鑑報告。取自 <http://www.twaea.org.tw/report.html>

6. 行政院主計處(2007)。96年速報統計表。取自 <http://www.dgbas.gov.tw/mp.asp?mp=1>

7. 行政院經建會(2005)。94~104年科技人力中長期供需趨勢推估。取自 <http://www.cepd.gov.tw/upload/MANP/Plan/941213talent%20S%20&%20D@590859.56430441@.pdf>

8. 行政院教育改革推動委員會(2003)。2001年教育改革之檢討與改進會議

修正說明書。台北：行政院教改推動委員會。

9. 李宜芳(2000)。教育部補助與公、私大學辦學績效之評估。國立台北大學財政學系碩士論文，台北。

10. 吳壽山(2001)。私校經營與財務發展策略。廿一世紀私立大學經營發展策略與提升競爭力研討會會議文集，頁85-119。

11. 私立學校法修正草案條文對照表。(2005)。取自 <http://www.ey.gov.tw/public/attachment/610269551971.pdf>。

12. 邱觀彥(2006)。私立大學競爭優勢評估指標之研究。銘傳大學資訊管理學系碩士在職專班碩士論文，台北。

13. 《教育與社會研》第十期(2006/1) pp.65-92。

14. 高時良(1994)；《中國教會學校史》。湖南：湖南教育出版社。

15. 黃士嘉(2002)；〈私立學校之問題、成因及其改善之道〉。《教育資料與研究》47: 95-99。

16. 朱苟一、戴華(1996)，《教育鬆綁》。台北：遠流出版公司。

17. 林本炫(2004)，〈台灣高等教育的另一側面：基督書院〉。《思與言》42(3): 93-128



